



SONADEZI  
LONG THANH



BUREAU  
VERITAS

ISO 9001:2015

**TỔNG CÔNG TY SONADEZI**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH**

Địa chỉ: KCN Long Thành  
xã Tam An, huyện Long Thành  
tỉnh Đồng Nai  
Việt Nam

Điện thoại: 0613514494/496  
Fax: 0613.514492/499  
Email: [longthanhz@sonadezi.com.vn](mailto:longthanhz@sonadezi.com.vn)  
Website: <http://www.sonadezi.com.vn>

BP. TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN  
MST: 3600 649539

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**QUÝ II/2019**

THÁNG 07/2019



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

tại ngày 30 tháng 06 năm 2019.

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>726,163,729,277</b>	<b>701,348,940,383</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>86,462,393,635</b>	<b>85,945,123,336</b>
1. Tiền	111		61,462,393,635	23,945,123,336
2. Các khoản tương đương tiền	112		25,000,000,000	62,000,000,000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	V.2	<b>442,475,000,000</b>	<b>452,700,000,000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		442,475,000,000	452,700,000,000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>110,407,980,126</b>	<b>75,557,273,621</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	20,849,797,798	19,076,815,300
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	70,352,315,811	30,939,118,684
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	20,622,978,626	27,476,839,082
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6	(1,417,112,109)	(1,935,499,445)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	V.7	<b>73,793,428,694</b>	<b>76,983,590,781</b>
1. Hàng tồn kho	141		73,793,428,694	76,983,590,781
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>13,024,926,822</b>	<b>10,162,952,645</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	2,184,996,219	734,298,631
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5,523,118,049	4,467,149,341
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	5,316,812,554	4,961,504,673
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+230+240+250+260)	<b>200</b>		<b>940,073,656,138</b>	<b>897,892,811,174</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-





1	2	3	4	5
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>151,848,207,322</b>	<b>160,414,197,710</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	V.9	151,790,775,322	160,344,265,710
- Nguyên giá	222		463,814,729,033	461,103,836,761
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(312,023,953,711)	(300,759,571,051)
2. TSCĐ thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. TSCĐ vô hình	227		57,432,000	69,932,000
- Nguyên giá	228		775,039,229	775,039,229
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(717,607,229)	(705,107,229)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.10</b>	<b>333,340,549,972</b>	<b>278,916,621,056</b>
- Nguyên giá	231		531,846,127,498	460,293,781,073
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(198,505,577,526)	(181,377,160,017)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.8</b>	<b>46,218,753,486</b>	<b>49,159,899,621</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		46,218,753,486	49,159,899,621
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2</b>	<b>190,836,400,000</b>	<b>190,836,400,000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		24,500,000,000	24,500,000,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		166,336,400,000	166,336,400,000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>217,829,745,358</b>	<b>218,565,692,787</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	216,031,676,369	216,683,122,198
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	1,798,068,989	1,882,570,589
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1,666,237,385,415</b>	<b>1,599,241,751,557</b>

1	2	3	4	5
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>1,086,739,143,579</b>	<b>1,020,294,231,195</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>182,247,919,776</b>	<b>123,037,640,681</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	46,599,826,864	28,651,948,029
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	1,656,242
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	152,311,660	524,662,383
4. Phải trả người lao động	314		4,214,574,664	6,813,858,000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	9,186,591,965	4,697,088,049
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.18	30,377,826,559	25,438,911,620
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	55,834,136,720	35,900,530,126
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-



1	2	3	4	5
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	35,882,651,344	21,008,986,232
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>904,491,223,803</b>	<b>897,256,590,514</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.15	75,976,131,971	81,664,177,100
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.18	773,175,218,667	773,594,916,861
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	55,339,873,165	41,997,496,553
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học & công nghệ	343		-	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>579,498,241,836</b>	<b>578,947,520,362</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.19	<b>579,498,241,836</b>	<b>578,947,520,362</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		200,000,000,000	200,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200,000,000,000	200,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4,000,619,235	4,000,619,235
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(22,812,874,949)	(22,812,874,949)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		124,635,985,396	102,821,985,396
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		273,674,512,154	294,937,790,680
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		225,870,440,680	204,061,368,992
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		47,804,071,474	90,876,421,688
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>1,666,237,385,415</b>	<b>1,599,241,751,557</b>

Người lập biểu



Tiêu Thị Cẩm Anh

Kế toán trưởng



Phạm Trần Hưng Thịnh



Lập, ngày 12 tháng 07 năm 2019.

Tổng giám đốc



Phạm Anh Tuấn



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
QUÝ II NĂM 2019**

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
				Năm 2019	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2018
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	93,229,779,993	93,879,139,469	179,522,981,876	179,958,194,704
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		93,229,779,993	93,879,139,469	179,522,981,876	179,958,194,704
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	61,893,079,349	60,458,571,162	117,809,244,304	114,297,797,207
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		31,336,700,644	33,420,568,307	61,713,737,572	65,660,397,497
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	9,634,402,581	8,372,936,939	17,452,567,371	18,316,979,477
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	-	40,613,930	-	76,433,550
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	21,300,000	-	53,400,000
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.5	878,594,659	254,439,376	1,594,680,114	568,866,649
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	8,770,043,031	10,804,748,647	18,482,050,372	19,263,490,851
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		31,322,465,535	30,693,703,293	59,089,574,457	64,068,585,924
11.	Thu nhập khác	31	VI.7	370,691,456	1,436,677,845	1,697,969,873	1,536,338,845
12.	Chi phí khác	32	VI.8	2,272,000	9	653,748,514	9
13.	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		368,419,456	1,436,677,836	1,044,221,359	1,536,338,836
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		31,690,884,991	32,130,381,129	60,133,795,816	65,604,924,760
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	6,384,710,398	5,503,863,448	12,245,222,742	10,709,189,312
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		42,250,800	33,479,200	84,501,600	66,958,400
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		25,263,923,793	26,593,038,481	47,804,071,474	54,828,777,048
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.19	1,111	1,170	2,102	2,411
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 12 tháng 07 năm 2019.

Tổng giám đốc

Tiêu Thị Cẩm Anh

Phạm Trần Hưng Thịnh

Phạm Anh Tuấn



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
QUÝ II NĂM 2019

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2019	Năm 2018
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>60,133,795,816</b>	<b>65,604,924,760</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		22,261,055,145	26,751,385,847
- Các khoản dự phòng	03		(518,387,336)	559,668,742
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(29,823)	(63,870)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(15,382,859,283)	(18,071,570,807)
- Chi phí lãi vay	06		-	53,400,000
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>66,493,574,519</b>	<b>74,897,744,672</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(42,745,944,772)	11,088,315,210
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		3,190,162,087	5,270,102,132
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kê lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		27,268,194,580	48,971,860,795
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(208,670,487)	1,807,888,045
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(32,400,000)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(13,138,463,359)	(3,100,000,000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	1,950,000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(5,093,334,888)	(4,913,544,775)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>35,765,517,680</b>	<b>133,991,916,079</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(67,194,222,092)	(46,372,021,011)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-



CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2019	Năm 2018
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(220,675,000,000)	(266,330,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ đơn vị khác	24		230,900,000,000	249,980,000,000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		21,720,564,283	22,215,955,807
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(35,248,657,809)</b>	<b>(40,506,065,204)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(1,400,000,000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(1,644,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>(1,401,644,000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>516,859,871</b>	<b>92,084,206,875</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>85,945,123,336</b>	<b>30,447,888,485</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		410,428	63,870
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>86,462,393,635</b>	<b>122,532,159,230</b>

Người lập biểu

*Thị Cẩm Anh*

Tiêu Thị Cẩm Anh

Kế toán trưởng

*Phạm Trần Hưng Thịnh*

Phạm Trần Hưng Thịnh

Lập, ngày 12 tháng 07 năm 2019.

Tổng giám đốc



*Phạm Anh Tuấn*

Phạm Anh Tuấn

## CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2019

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC QUÝ II NĂM 2019

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần.

2. Ngành nghề kinh doanh :

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; Dịch vụ môi giới bất động sản, sàn giao dịch bất động sản, tư vấn bất động sản, đấu giá bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản	6820
2.	Kho bãi và lưu giữ hàng hoá	5210
3.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
4.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề; Kinh doanh khu vui chơi giải trí	9321
5.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
6.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
7.	Tái chế phế liệu	3830
8.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
9.	Thu gom rác thải độc hại	3812
10.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: thiết kế kiến trúc công trình công nghiệp và dân dụng; thiết kế xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; thiết kế xây dựng công trình kỹ thuật đô thị.	7110
11.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
12.	Xây dựng nhà các loại	4100
13.	Phá dỡ	4311
14.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
15.	Đại lý du lịch	7911
16.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
17.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan: Bán buôn xăng, dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng	4661
18.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
19.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
20.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
21.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
22.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
23.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
24.	Xây dựng công trình công ích	4220
25.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
26.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
27.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
28.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ	5510
29.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
30.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
31.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
32.	Điều hành tua du lịch	7912



## **CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH**

Địa chỉ: Khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2019**

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 là năm tài chính thứ mười sáu của Công ty.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **2. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

#### **3. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Hao hụt xăng dầu được xác định theo thông tư số 43/2015/TT-BCT ngày 08 tháng 12 năm 2015



## CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2019

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

#### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc thiết bị	03 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 04
Tài sản cố định khác	04

#### 6. Tài sản thuê hoạt động

##### *Công ty là bên cho thuê*

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

##### *Công ty là bên đi thuê*

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

#### 7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các



## **CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH**

Địa chỉ: Khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2019

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư được công bố tại thuyết minh số IV.5.

### **8. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

#### *Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính*

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

### **9. Đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

### **10. Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm Chi phí trả trước kinh doanh đất và chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng.

### **11. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

### **12. Chi phí phải trả**

Chi phí đầu tư cho Khu công nghiệp Long Thành trích trước tương ứng với phần doanh thu cho thuê đất đã ghi nhận các năm trước.

### **13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ**

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu quỹ.



## CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2019

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

- **Cổ phiếu quỹ:** Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty & Nghị Quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

### 14. **Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

### 15. **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển. Thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

#### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

### 16. **Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2018 : 23.150 VND/USD

30/06/2019 : 23.270 VND/USD

### 17. **Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập**



## CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2019

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### ***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phân lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

### ***Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động***

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.6.

### ***Doanh thu chuyển quyền sử dụng đất***

Doanh thu chuyển quyền sử dụng đất của lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được ghi nhận khi đã hoàn thành cơ bản công tác xây dựng cơ sở hạ tầng và lô đất đã được bàn giao cho khách hàng.

### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

## **18. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

## **V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

### **1. Tiền**

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
Tiền mặt	17,452,416	36,940,313
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	61,444,941,219	23,908,183,023
Các khoản tương đương tiền (*)	25,000,000,000	62,000,000,000
Cộng	<u><b>86,462,393,635</b></u>	<u><b>85,945,123,336</b></u>

(\*) Tiền gửi có kỳ hạn từ dưới 3 tháng

### **2. Các khoản đầu tư tài chính**





## CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2019

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a1) Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	442,475,000,000	442,475,000,000	452,700,000,000	452,700,000,000
<b>Cộng</b>	<b>442,475,000,000</b>	<b>442,475,000,000</b>	<b>452,700,000,000</b>	<b>452,700,000,000</b>

### b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Cuối kỳ		Đầu năm			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết						
Công ty cổ phần Sonadezi An Bình	24,500,000,000	-	(*)	24,500,000,000	-	(*)
- Đầu tư vào đơn vị khác						
Công ty cổ phần dịch vụ Sonadezi	2,500,000,000	-	5,000,000,000	2,500,000,000	-	3,750,000,000
Công ty cổ phần Sonadezi Châu Đức	100,800,000,000	-	185,411,520,000	100,800,000,000	-	133,943,040,000
Công ty cổ phần Sonadezi Long Bình	63,036,400,000	-	(*)	63,036,400,000	-	(*)
<b>Cộng</b>	<b>190,836,400,000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>190,836,400,000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(\*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào đơn vị khác được xác định dựa theo giá giao dịch bình quân niêm yết tại thời điểm cuối năm trên thị trường UPCOM và HOSE.

### 3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Cty TNHH Global Dyeing	5,961,420,171	4,387,075,626
Cty TNHH Samil Vina	3,465,482,976	6,122,746,916
Công ty CP Cơ điện Hoàng Hưng	2,044,941,742	15,474,089
Các khách hàng khác	9,377,952,909	8,551,518,669
<b>Cộng</b>	<b>20,849,797,798</b>	<b>19,076,815,300</b>

Trong đó, phải thu của khách hàng là các bên  
liên quan - Xem thêm mục VII

513,619,280

359,476,318



## CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2019

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Cty CP Cấp Nước Đồng Nai	56,912,281,525	-
Cty CP xây dựng Đồng Nai	9,010,159,696	-
Các nhà cung cấp khác	4,429,874,590	30,939,118,684
<b>Cộng</b>	<b>70,352,315,811</b>	<b>30,939,118,684</b>
Trong đó, trả trước cho người bán là các bên liên quan - Xem thêm mục VII	67,974,553,221	14,566,438,000

### 5. Phải thu ngắn hạn khác

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	9,992,724,000	-	11,290,429,000	-
Cổ tức dự thu	-	-	5,040,000,000	-
Phải thu về thuế TNDN tạm nộp 1%	75,739,973	-	105,047,685	-
Tạm ứng cho nhân viên	199,186,945	-	123,140,000	-
Phải thu tiền bồi thường về việc "Phê duyệt bồi thường, hỗ trợ thuộc dự án cụm công nghiệp Long Phước 1 tại xã Long Phước, huyện Long Thành"	9,989,137,302	-	10,653,781,316	-
Phải thu khác	366,190,406	-	264,441,081	-
<b>Cộng</b>	<b>20,622,978,626</b>	<b>-</b>	<b>27,476,839,082</b>	<b>-</b>
Trong đó, phải thu khác các bên liên quan - Xem thêm mục VII	420,589,449	-	5,549,758,187	-

### 6. Nợ xấu

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	1,417,112,109	-	1,935,499,445	-
<b>Cộng</b>	<b>1,417,112,109</b>	<b>-</b>	<b>1,935,499,445</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH**

Địa chỉ: Khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2019

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH Kỹ Thuật và Xây Dựng KJ	739,612,109	-	>3 năm	739,612,109	-	>3 năm
Cty CP SXTM Kỹ Thuật Sài Gòn Vinashin	-	-	>3 năm	518,387,336	-	>3 năm
Công ty TNHH Trang trí nội thất số 7	677,500,000	-	>3 năm	677,500,000	-	>3 năm
<b>Cộng</b>	<b>1,417,112,109</b>	<b>-</b>		<b>1,935,499,445</b>	<b>-</b>	



**CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH**

Địa chỉ: Khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2019

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

**7. Hàng tồn kho**

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	158,490,000	-	176,940,000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	72,482,547,805	-	75,857,407,331	-
Thành phẩm bất động sản	528,211,736		528,211,736	
Hàng hóa	624,179,153		421,031,714	-
<b>Cộng</b>	<b>73,793,428,694</b>	<b>-</b>	<b>76,983,590,781</b>	<b>-</b>

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang chủ yếu là các chi phí san lấp, xây dựng các hạng mục dở dang thuộc khu dân cư Tam An.

**8. Tài sản dở dang dài hạn****a) Xây dựng cơ bản dở dang**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Hạng mục xây dựng KCN Long Thành	504,094,899	240,484,737
Hạng mục xây dựng khu TĐC Tam An – Bò Sữa	9,459,683,786	9,459,683,786
Hạng mục xây dựng khu dân cư	1,052,661,907	317,648,854
Hạng mục xây dựng Nhà xưởng cho thuê	1,223,950,020	6,830,579,834
Hạng mục xây dựng CCN Long Phước	32,593,608,104	30,766,046,007
Hạng mục dự án 3ha An Phước	470,985,600	470,985,600
Hạng mục xây dựng Nhà xưởng KCN Châu Đức	268,203,041	428,904,674
Hạng mục dự án KDL sinh thái Tam An	645,566,129	645,566,129
<b>Cộng</b>	<b>46,218,753,486</b>	<b>49,159,899,621</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH**

Địa chỉ: Khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2019

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

**9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc và thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</b>	<b>Thiết bị, dụng cụ quản lý</b>	<b>Tài sản cố định khác</b>	<b>Cộng</b>
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	436,685,554,659	11,786,609,023	8,624,374,001	3,703,590,029	303,709,049	461,103,836,761
Tăng trong kỳ	2,132,107,576	578,784,696	-	-	-	2,710,892,272
Đầu tư mua sắm		578,784,696				578,784,696
Đầu tư XDCB hoàn thành	2,132,107,576					2,132,107,576
Số dư cuối kỳ	<u>438,817,662,235</u>	<u>12,365,393,719</u>	<u>8,624,374,001</u>	<u>3,703,590,029</u>	<u>303,709,049</u>	<u>463,814,729,033</u>
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	150,679,067,741	6,825,440,064	1,623,250,546	2,594,734,630	303,709,049	162,026,202,030
Giá trị hao mòn						
Số dư đầu năm	284,576,944,762	9,655,471,064	3,203,215,546	3,020,230,630	303,709,049	300,759,571,051
Khấu hao trong kỳ	10,218,360,024	287,834,636	583,428,000	174,760,000	-	11,264,382,660
Số dư cuối kỳ	<u>294,795,304,786</u>	<u>9,943,305,700</u>	<u>3,786,643,546</u>	<u>3,194,990,630</u>	<u>303,709,049</u>	<u>312,023,953,711</u>
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	152,108,609,897	2,131,137,959	5,421,158,455.00	683,359,399	-	160,344,265,710
Tại ngày cuối kỳ	144,022,357,449	2,422,088,019	4,837,730,455	508,599,399	-	151,790,775,322





**CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH**

Địa chỉ: Khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2019

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

**10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Khoản mục	Đầu năm VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Cuối kỳ VND
Nguyên giá:				
Nhà	444,723,670,819	71,552,346,425		516,276,017,244
Cơ sở hạ tầng	15,570,110,254			15,570,110,254
<b>Cộng</b>	<b>460,293,781,073</b>	<b>71,552,346,425</b>	<b>-</b>	<b>531,846,127,498</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Nhà	178,373,644,017	16,609,413,509		194,983,057,526
Cơ sở hạ tầng	3,003,516,000	519,004,000		3,522,520,000
<b>Cộng</b>	<b>181,377,160,017</b>	<b>17,128,417,509</b>	<b>-</b>	<b>198,505,577,526</b>
Giá trị còn lại:				
Nhà	266,350,026,802			321,292,959,718
Cơ sở hạ tầng	12,566,594,254			12,047,590,254
<b>Cộng</b>	<b>278,916,621,056</b>			<b>333,340,549,972</b>

Nguyên giá của Bất động sản đầu tư cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 56.705.636.790 VND

**11. Chi phí trả trước**

Khoản mục	Cuối kỳ	Đầu năm
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>2,184,996,219</b>	<b>734,298,631</b>
Chi phí trả trước kinh doanh đất	333,813,264	-
Chi phí quản lý VPCTy	182,590,905	734,298,631
Tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Châu Đức	1,668,592,050	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>216,031,676,369</b>	<b>216,683,122,198</b>
Chi phí trả trước kinh doanh nhà	513,227,895	670,393,901
Chi phí trả trước kinh doanh đất	39,594,340,722	48,047,449,961
Chi phí quản lý VPCTy	237,200,000	580,173,764
Chi phí trả trước đền bù đất KCNLT	17,401,568,539	9,607,525,539
Chi phí trả trước kinh doanh nhà xưởng	5,515,067,221	3,321,039,418
Tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Châu Đức	152,340,415,517	154,026,683,140
Chi phí trả trước dự án KCN Long Phước	367,352,475	367,352,475
Chi phí trả trước dự án KDC 3ha	62,504,000	62,504,000
<b>Cộng</b>	<b>218,216,672,588</b>	<b>217,417,420,829</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH**

Địa chỉ: Khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2019**

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Khoản mục	Cuối kỳ	Đầu năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1,798,068,989	1,882,570,589
<b>Cộng</b>	<b>1,798,068,989</b>	<b>1,882,570,589</b>

**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty CP Sonadezi An Bình	25,418,420,044	25,418,420,044	6,100,346,055	6,100,346,055
CTy CP Giao thông 828	5,844,598,821	5,844,598,821	-	-
Các nhà cung cấp khác	15,336,807,999	15,336,807,999	22,551,601,974	22,551,601,974
<b>Cộng</b>	<b>46,599,826,864</b>	<b>46,599,826,864</b>	<b>28,651,948,029</b>	<b>28,651,948,029</b>
Trong đó, phải trả cho người bán là các bên liên quan - xem thêm mục VII	29,098,314,981	29,098,314,981	7,462,971,774	7,462,971,774



## CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2019

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

### 14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 30/06/2019		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2019	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT phải nộp	-	-	677,493,472	677,493,472	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,482,590,570	-	12,215,915,030	13,138,463,359	560,042,241	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	39,725,000	1,377,754,000	1,744,689,500	-	406,660,500
Tiền thuê đất, tiền sử dụng đất	3,834,221,984	-	583,199,314	15,958,866	4,401,462,432	-
Các loại thuế khác	-	-	5,000,000	5,000,000	-	-
Các khoản phí, lệ phí	-	112,586,660	514,691,141	520,106,364	-	118,001,883
<b>Cộng</b>	<b>5,316,812,554</b>	<b>152,311,660</b>	<b>15,374,052,957</b>	<b>16,101,711,561</b>	<b>4,961,504,673</b>	<b>524,662,383</b>

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng mặt hàng như sau:

- Dịch vụ trong các doanh nghiệp chế xuất 0%
- Dịch vụ nước cấp 5%
- Dịch vụ cho thuê và các dịch vụ khác 10%

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Đối với thu nhập từ đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp và các dịch vụ liên quan, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế trong 15 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo. Năm 2004 là năm đầu tiên Công ty kinh doanh có lãi.

Đối với hoạt động xử lý nước thải Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế trong 15 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh. Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm bắt đầu từ năm 2007.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

#### *Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo qui định.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH**

Địa chỉ: Khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2019

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

**15. Chi phí phải trả**

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
a) Ngắn hạn	<b>9,186,591,965</b>	<b>4,697,088,049</b>
Các khoản trích trước khác	9,186,591,965	4,697,088,049
b) Dài hạn	<b>75,976,131,971</b>	<b>81,664,177,100</b>
Chi phí trích trước tạm tính giá vốn chi phí kinh doanh đất KCN Long Thành	66,358,803,538	72,251,324,562
Chi phí trích trước kinh doanh nhà xưởng	9,617,328,433	9,412,852,538
<b>Cộng</b>	<b><u>85,162,723,936</u></b>	<b><u>86,361,265,149</u></b>

**16. Phải trả khác**

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
a) Ngắn hạn	<b>55,834,136,720</b>	<b>35,900,530,126</b>
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	27,426,021,000	139,671,000
Chi phí đền bù đất còn phải trả	3,662,459,000	3,650,459,000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6,419,659,578	8,978,949,675
Phải trả dự án Tam An	7,573,997,142	10,504,768,166
Các khoản phải trả, phải nộp khác	10,752,000,000	12,626,682,285
b) Dài hạn	<b>55,339,873,165</b>	<b>41,997,496,553</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	55,339,873,165	41,997,496,553
<b>Cộng</b>	<b><u>111,174,009,885</u></b>	<b><u>77,898,026,679</u></b>

**17. Quỹ Khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Tại ngày 30/06/2019</u>	<u>Tăng trong kỳ VND</u>	<u>Giảm trong kỳ VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2019</u>
	35,882,651,344	19,967,000,000	5,093,334,888	21,008,986,232
<b>Cộng</b>	<b><u>35,882,651,344</u></b>	<b><u>19,967,000,000</u></b>	<b><u>5,093,334,888</u></b>	<b><u>21,008,986,232</u></b>

**18. Doanh thu chưa thực hiện**

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
a) Ngắn hạn	<b>30,377,826,559</b>	<b>25,438,911,620</b>
Doanh thu cho thuê đất	30,377,826,559	25,438,911,620
b) Dài hạn	<b>773,175,218,667</b>	<b>773,594,916,861</b>
Doanh thu cho thuê đất	773,175,218,667	773,594,916,861
<b>Cộng</b>	<b><u>803,553,045,226</u></b>	<b><u>799,033,828,481</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH**

Địa chỉ: Khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2019

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

**19. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Tại ngày 01/01/2018	200,000,000,000	4,000,619,235	(22,812,874,949)	93,918,343,528	253,046,931,794	528,153,019,608
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	109,067,321,688	109,067,321,688
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	8,903,641,868	(8,903,641,868)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(12,795,570,934)	(12,795,570,934)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	(27,286,350,000)	(27,286,350,000)
Tạm ứng cổ tức năm nay	-	-	-	-	(18,190,900,000)	(18,190,900,000)
Tại ngày 01/01/2019	200,000,000,000	4,000,619,235	(22,812,874,949)	102,821,985,396	294,937,790,680	578,947,520,362
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	47,804,071,474	47,804,071,474
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	21,814,000,000	(21,814,000,000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(19,967,000,000)	(19,967,000,000)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	(27,286,350,000)	(27,286,350,000)
Tại ngày 31/3/2019	200,000,000,000	4,000,619,235	(22,812,874,949)	124,635,985,396	273,674,512,154	579,498,241,836

**CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH**

Địa chỉ: Khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2019**

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

<b>b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
Vốn góp của công ty mẹ	102,380,000,000	102,380,000,000
Vốn góp của các đối tượng khác	97,620,000,000	97,620,000,000
<b>Cộng</b>	<b>200,000,000,000</b>	<b>200,000,000,000</b>

<b>c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	200,000,000,000	200,000,000,000
- Cổ tức năm trước và tạm ứng năm nay chi bằng tiền	-	45,456,846,000

<b>d) Cổ phiếu</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20,000,000	20,000,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20,000,000	20,000,000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(1,809,100)	(1,809,100)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18,190,900	18,190,900
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	18,190,900	18,190,900
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND	10.000 VND

<b>e) Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>Q2/2019</b>	<b>Q2/2018</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	25,263,923,793	26,593,038,481
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(5,052,784,759)	(5,318,607,696)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	20,211,139,034	21,274,430,785
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (*)	18,190,900	18,190,900
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1,111</b>	<b>1,170</b>

(\*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	<b>Q2/2019</b>	<b>Q2/2018</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	18,190,900	18,190,900
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại		

**20. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán**

	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
Ngoại tệ các loại (USD)	54,620.65	248.52



## CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2019

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Nợ khó đòi đã xử lý:

- Công ty TNHH Yo Limited – xử lý tài chính nợ phải thu khó đòi: 1.400.476.344 đồng.
- Công ty CP SXTM Kỹ Thuật Sài Gòn Vinashin– xử lý tài chính nợ phải thu khó đòi: 518.387.336 đồng.

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

#### 1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Q2/2019</u>	<u>Q2/2018</u>
Tổng doanh thu	93,229,779,993	93,879,139,469
Các khoản giảm trừ doanh thu		
<b>Doanh thu thuần</b>	<u>93,229,779,993</u>	<u>93,879,139,469</u>
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu cho thuê đất, phí quản lý	16,874,947,172	15,988,915,443
- Doanh thu kinh doanh nhà, đất	5,033,157,869	10,140,175,192
- Doanh thu kinh doanh nước	19,626,291,000	20,215,942,000
- Doanh thu kinh doanh xử lý nước thải	14,149,156,028	14,378,763,160
- Doanh thu cho thuê nhà xưởng KCNLT	25,075,808,117	22,424,231,564
- Doanh thu kinh doanh trạm xăng dầu	11,367,154,315	10,710,112,110
- Doanh thu cho thuê nhà xưởng KCN Châu Đức	1,082,265,492	-
- Doanh thu khác	21,000,000	21,000,000
Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan	1,082,536,438	1,070,018,699

#### 2. Giá vốn hàng bán

	<u>Q2/2019</u>	<u>Q2/2018</u>
Giá vốn cho thuê đất, phí quản lý	6,663,068,521	6,557,202,956
Giá vốn kinh doanh nhà, đất	2,367,293,087	4,480,728,257
Giá vốn kinh doanh nước	17,002,130,000	17,377,608,000
Giá vốn kinh doanh xử lý nước thải	12,252,817,706	10,752,214,020
Giá vốn cho thuê nhà xưởng	9,814,014,091	9,149,682,090
Giá vốn dự án Châu Đức	2,541,169,840	1,619,939,401
Giá vốn kinh doanh xăng dầu	11,160,381,243	10,516,071,631
Giá vốn khác	92,204,861	5,124,807
<b>Cộng</b>	<u>61,893,079,349</u>	<u>60,458,571,162</u>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2019

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Q2/2019</u>	<u>Q2/2018</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	24,482,000	41,696,588
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	7,775,548,736	8,248,982,974
Lãi chênh lệch tỷ giá	28,580	42,497
Chiết khấu thanh toán	1,834,343,265	82,214,880
<b>Cộng</b>	<b><u>9,634,402,581</u></b>	<b><u>8,372,936,939</u></b>

### 4. Chi phí bán hàng

	<u>Q2/2019</u>	<u>Q2/2018</u>
Chi phí bán hàng kinh doanh đất	366,793,749	15,019,091
Chi phí bán hàng kinh doanh nhà	5,700,910	14,505,467
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	506,100,000	224,914,818
<b>Cộng</b>	<b><u>878,594,659</u></b>	<b><u>254,439,376</u></b>

### 5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Q2/2019</u>	<u>Q2/2018</u>
Chi phí nhân viên quản lý	6,465,123,000	5,981,630,500
Chi phí vật liệu quản lý	374,433,273	335,694,872
Chi phí đồ dùng văn phòng	151,748,884	133,575,637
Chi phí khấu hao tài sản cố định	488,628,636	417,024,000
Chi phí thuế, phí, lệ phí	-	-
Chi phí dự phòng	-	559,668,742
Chi phí dịch vụ mua ngoài	529,469,235	981,806,026
Chi phí khác	760,640,003	2,395,348,870
<b>Cộng</b>	<b><u>8,770,043,031</u></b>	<b><u>10,804,748,647</u></b>

### 6. Thu nhập khác

	<u>Q2/2019</u>	<u>Q2/2018</u>
Thu vi phạm hợp đồng	8,658,000	1,436,677,845
Thu khác	362,033,456	-
<b>Cộng</b>	<b><u>370,691,456</u></b>	<b><u>1,436,677,845</u></b>

### 7. Chi phí khác

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



## CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2019

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Q2/2019	Q2/2018
Chi phí khác	2,272,000	9
<b>Cộng</b>	<b>2,272,000</b>	<b>9</b>

### 8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Q2/2019	Q2/2018
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3,175,358,524	2,868,124,694
Chi phí nhân công	6,465,123,000	5,981,630,500
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11,377,697,145	10,011,618,000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	46,512,528,474	31,581,240,659
Chi phí khác bằng tiền	2,335,194,586	18,819,861,115
<b>Cộng</b>	<b>69,865,901,729</b>	<b>69,262,474,968</b>

### 9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60,133,795,816	65,604,924,760
- Các khoản điều chỉnh tăng	1,092,317,895	409,300,000
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(2,521,456,000)
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>61,226,113,711</b>	<b>63,492,768,760</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>12,245,222,742</b>	<b>12,698,553,752</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	-	(1,989,364,440)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	-	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>12,245,222,742</b>	<b>10,709,189,312</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận doanh thu trong kỳ	32,086,648	35,147,072
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản đã ghi nhận doanh thu trong kỳ	(61,394,360)	(54,935,343)
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>12,215,915,030</b>	<b>10,689,401,041</b>

## VII. THÔNG TIN KHÁC

### 1. Thông tin về các bên liên quan

#### Danh sách các bên liên quan

Tổng Công ty CP Phát triển Khu công nghiệp  
Quý đầu tư phát triển Đồng Nai  
Công ty cổ phần Sonadezi An Bình

#### Mối quan hệ

Công ty mẹ  
Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể  
Công ty liên kết

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH**

Địa chỉ: Khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2019**

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### Danh sách các bên liên quan

Công ty cổ phần Sonadezi Châu Đức

Công ty cổ phần dịch vụ Sonadezi

Công ty cổ phần xây dựng Đồng Nai

Công ty cổ phần Sonadezi Long Bình

Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai

Công ty cổ phần Môi trường Sonadezi

Công ty TNHH MTV dịch vụ bảo vệ Sonadezi

Thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Ban Tổng Giám đốc

### Mối quan hệ

Công ty liên kết với Tổng Công ty CP Phát triển Khu công nghiệp

Công ty liên kết với Tổng Công ty CP Phát triển Khu công nghiệp

Công ty liên kết với Tổng Công ty CP Phát triển Khu công nghiệp

Công ty con của Tổng Công ty CP Phát triển Khu công nghiệp

Công ty con của Tổng Công ty CP Phát triển Khu công nghiệp

Công ty con của Tổng Công ty CP Phát triển Khu công nghiệp

Công ty con của Công ty cổ phần dịch vụ Sonadezi.

Nhân sự quản lý chủ chốt

Nhân sự quản lý chủ chốt

ÔN  
Đ  
N  
NG  
H



**CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH**

Địa chỉ: Khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2019**

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng - Xem thêm mục V.3		
Công ty cổ phần Sonadezi An Bình	512,085,755	332,041,918
Công ty cổ phần Dịch vụ Sonadezi		27,434,400
Công ty cổ phần Xây dựng Đồng Nai	1,533,525	
<b>Cộng</b>	<b>513,619,280</b>	<b>359,476,318</b>

	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
Phải thu ngắn hạn khác - Xem thêm mục V.5		
Tiền lãi dự thu của Quỹ ĐTPT Đồng Nai	416,767,000	505,754,000
Cổ tức phải thu của CTCP Sonadezi Châu Đức	-	5,040,000,000
Tiền nước và điện thi công của CTCP Sonadezi An Bình	-	4,004,187
Tiền điện thi công của CTCP xây dựng Đồng Nai	3,822,449	
<b>Cộng</b>	<b>420,589,449</b>	<b>5,549,758,187</b>

	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
Phải trả ngắn hạn cho người bán - Xem thêm mục V.14		
Công ty cổ phần Sonadezi An Bình	(25,418,420,044)	(6,100,346,055)
Công ty cổ phần Sonadezi Châu Đức	(3,677,268,137)	(708,705,719)
Công ty cổ phần Xây dựng Đồng Nai	-	(587,040,000)
Công ty cổ phần Môi trường Sonadezi	(2,626,800)	(4,180,000)
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Bảo vệ Sonadezi	-	(62,700,000)
<b>Cộng</b>	<b>(29,098,314,981)</b>	<b>(7,462,971,774)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH**

Địa chỉ: Khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2019**

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
Trả trước cho nhà cung cấp - Xem thêm mục V.4		
Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai	56,912,281,525	-
Công ty cổ phần Dịch vụ Sonadezi	1,966,781,000	14,566,438,000
Công ty cổ phần Xây dựng Đồng Nai	9,010,159,696	-
Công ty cổ phần Sonadezi Châu Đức	85,331,000	-
<b>Cộng</b>	<b>67,974,553,221</b>	<b>14,566,438,000</b>

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty cổ phần Sonadezi An Bình	1,834,275,561	2,213,861,224
Công ty cổ phần Dịch vụ Sonadezi	166,811,909	164,567,473
<b>Cộng</b>	<b>2,001,087,470</b>	<b>2,378,428,697</b>

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Mua hàng:		
Công ty cổ phần Sonadezi An Bình	30,386,469,918	-
Công ty cổ phần Dịch vụ Sonadezi	23,099,729,087	19,754,800,113
Công ty cổ phần Sonadezi Châu Đức	3,374,859,102	2,616,400,602
Công ty cổ phần Cấp nước Đồng Nai	33,166,905,400	33,110,534,500
Công ty cổ phần Môi trường Sonadezi	21,492,000	23,530,000
<b>Cộng</b>	<b>90,049,455,507</b>	<b>55,505,265,215</b>

2. Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:



## CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2019

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019


**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**


	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thù lao của Hội đồng quản trị	896,000,000	630,000,000
Thu nhập của Tổng Giám đốc	547,132,000	361,789,000
Thu nhập của các thành viên chủ chốt khác	1,340,188,034	897,246,393
<b>Cộng</b>	<b>2,783,320,034</b>	<b>1,889,035,393</b>


### 3. Thu nhập Ban kiểm soát

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập Ban Kiểm soát	471,641,000	323,210,200
<b>Cộng</b>	<b>471,641,000</b>	<b>323,210,200</b>

Long Thành, ngày 12 tháng 07 năm 2019

  
TIÊU THỊ CẨM ANH  
Người lập biểu

  
PHẠM TRẦN HƯNG THỊNH  
Kế toán trưởng

  
PHẠM ANH TUẤN  
Tổng Giám đốc



